

Unit 16

THE ASSOCIATION OF SOUTHEAST ASIAN NATIONS

TRỌNG TÂM

1. Kỹ năng ngôn ngữ

• **Đọc:**

- Đọc và điền từ vào chỗ trống.
- Đọc và chọn thông tin đúng/sai về tổ chức ASEAN.
- Đọc và trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc.

• **Nói:**

- Nói tên và thủ đô các nước ASEAN.
- Nói được các thông tin cơ bản về tình hình, đặc điểm của mỗi quốc gia thuộc ASEAN.

• **Nghe:**

- Nghe và chọn câu trả lời đúng về việc sử dụng tiếng Anh và tôn giáo của một số nước ASEAN.
- Nghe và trả lời câu hỏi về nội dung bài nghe.

• **Viết:**

- Viết thư giới thiệu điểm du lịch ở Việt Nam, dựa vào bài viết mẫu và dàn ý (outline).

2. Trọng tâm ngôn ngữ

- **Phát âm:** Ngữ điệu thăng – giáng trong câu hỏi lựa chọn (rising – falling tune in alternative questions).
- **Ngữ pháp:** Mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian (Adv. Clause of time)

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy và băng cát xét.
- Tranh ảnh trong sách giáo khoa và các giáo cụ trực quan khác.

A. READING

Before you read

- Yêu cầu HS quan sát ảnh và đoán biết xem đó là tổ chức nào.
- Theo cặp, HS hỏi và đoán câu trả lời Việt Nam gia nhập vào hiệp hội này vào năm nào.

ĐÁP ÁN

1. *ASEAN stands for the Association of Southeast Asian Nations.*
2. *Vietnam joined this association in 1995.*

While you read

- Yêu cầu cá nhân HS đọc thầm và chuẩn bị thực hiện ba nhiệm vụ trong khi đọc.

Task 1. (Trang 174)

- HS chọn từ có nghĩa hợp với ngữ cảnh để điền vào chỗ trống.
- Cho HS đọc lại bài đọc và tìm các câu có từ mới vừa học.
- Gọi một số HS đọc to lại các câu đã hoàn thành, nhận xét và chữa bài.

ĐÁP ÁN

1. *justice*
2. *GDP*
3. *diverse*
4. *integration*
5. *accelerate*
6. *enterprises*

Task 2. (Trang 174)

- Yêu cầu HS đọc lại bài đọc và xác định câu đúng/sai về tình hình, đặc điểm, các sự kiện cơ bản của tổ chức ASEAN.
- HS cần chỉ ra thông tin nằm ở câu nào, đoạn văn nào và sửa lại những câu nhận định sai.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6
T	F	F	T	F	F

Task 3. (Trang 175)

- Yêu cầu HS thực hành hỏi và trả lời về nội dung bài đọc theo cặp. GV đi quanh lớp nghe và giúp các cặp HS gặp khó khăn; kiểm tra một số từ vựng và cấu trúc ngữ pháp của HS nếu thấy cần thiết.
- Gọi một vài cặp HS trả lời câu hỏi trước lớp để kiểm tra kết quả thực hiện bài tập.

ĐÁP ÁN

1. *The five original member countries, namely, Indonesia, Malaysia, the Philippines, Singapore and Thailand founded ASEAN.*
2. *The two main goals of the Association are to accelerate the economic growth, social progress and cultural development; and to promote peace and stability through respect for justice and the rule of law in the relationship among countries in the region.*
3. *It was about US\$ 1405 billion.*
4. *It was adopted in 1998.*
5. *It includes trade, investment, industry, services, finance, agriculture, rural development, forestry, energy, transportation and communication, science and technology, small and medium enterprises, and tourism.*

After you read

- HS thảo luận theo nhóm và tóm tắt bài đọc dựa theo các mốc thời gian đã gợi ý.
- Gọi đại diện một hoặc hai nhóm HS trình bày lại phần thực hiện trước lớp.
- GV sửa lỗi và cho đáp án gợi ý.

ĐÁP ÁN GỢI Ý

ASEAN was set up in 1967 in Bangkok, Thailand. Vietnam became its 7th member in 1995. Laos and Myanmar were admitted to this association in 1997, and Cambodia in 1999. In 2007, ASEAN had a combined gross domestic product of about US\$ 1282 billion, and in 2006 it had a total trade of US\$ 1405 billion. The Governments of ASEAN have estimated that a free trade area would be established in the region by 2020. In 1998 the Hanoi Plan of Action was adopted, which aimed at leading up to the realization of the ASEAN Vision. Today, ASEAN economic cooperation includes many sectors, such as trade, investment, industry, agriculture, rural development, forestry, energy, transportation and communication, science and technology, small and medium enterprises, and so on.

B. SPEAKING

Task 1. (Trang 175)

- Theo cặp, HS quan sát tranh gợi ý (10 quốc kì), thảo luận để đoán biết tên và thủ đô của 10 quốc gia thuộc tổ chức ASEAN.
- GV cho HS tham khảo ví dụ mẫu.
- GV đi quanh lớp giúp đỡ các cặp HS gặp khó khăn về từ và cách phát âm.
- GV gọi một vài cặp HS trình bày lại phần thực hiện trước lớp để kiểm tra và cho đáp án.

ĐÁP ÁN

- | | |
|--|--|
| 1. <i>Malaysia</i>
<i>Kuala Lumpur</i> | 6. <i>Thailand</i>
<i>Bangkok</i> |
| 2. <i>The Philippines</i>
<i>Manila</i> | 7. <i>Myanmar</i>
<i>Naypyidaw</i> |
| 3. <i>Laos</i>
<i>Vientiane</i> | 8. <i>Cambodia</i>
<i>Phnom Penh</i> |
| 4. <i>Singapore</i>
<i>Singapore</i> | 9. <i>Brunei</i>
<i>Bandar Seri Begawan</i> |
| 5. <i>Indonesia</i>
<i>Jakarta</i> | |

Task 2. (Trang 177)

- Yêu cầu HS quan sát và đọc các thông tin gợi ý trong bốn ảnh.
- Cho HS tham khảo ví dụ mẫu. (Lưu ý kết hợp với thông tin trong Task 1.)
- HS thực hành theo nhóm; cần bám sát dữ liệu gợi ý.
- GV gọi đại diện một vài nhóm trình bày lại phần thực hiện trước lớp; sửa lỗi và cho đáp án gợi ý. Lưu ý các cách nói:

... has a population of/a total area of ...

The official language(s) used/spoken in is (are) ...

The main religion(s) in... is (are)...

(...dollars) are local currency in ...

C. LISTENING

Before you listen

- Theo cặp, yêu cầu HS thảo luận và trả lời câu hỏi về việc sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai của một số nước ASEAN.
- Cho HS nghe và nhắc lại từ mới, chú trọng âm, giải thích nghĩa của các từ.

ĐÁP ÁN GỢI Ý

Some ASEAN countries such as the Philippines, Brunei, Singapore and Malaysia use English as a second language.

While you listen

Task 1. (Trang 178)

- Yêu cầu HS nghe và chọn câu trả lời đúng về việc nói tiếng Anh và tình hình tôn giáo của các quốc gia ASEAN thông qua cuộc đối thoại giữa Nga và ông Hùng – bố của Nga.
- Cho HS nghe một hoặc hai lần và chọn câu trả lời đúng.
- Gọi một vài HS để kiểm tra và cho đáp án.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5
C	A	C	A	B

Task 2. (Trang 179)

- Yêu cầu HS nghe lại bài đối thoại và trả lời câu hỏi.
- Lưu ý HS chỉ cho câu trả lời ngắn (không cần viết thành câu đầy đủ).
- Gọi một vài cặp HS trình bày lại để kiểm tra và cho đáp án.

ĐÁP ÁN

1. *Tomorrow (the next day).*
2. *The US.*
3. *Around 50 million.*
4. *In the Philippines.*
5. *Three – Islam, Buddhism and Catholicism.*

After you listen

Theo nhóm, HS thảo luận câu hỏi về nội dung bài tiểu luận của Nga.

Yêu cầu HS có thể tóm tắt nội dung chính của cuộc đối thoại giữa hai nhân vật: ông Hùng và Nga.

ĐÁP ÁN GỢI Ý

Her essay will be about the culture and religions of the ASEAN countries.

Tapescript

- Mr. Hung: *What are you doing? It's so late. Why don't you go to bed?*
- Nga: *I'm trying to finish my essay about the culture and religions of the ASEAN countries. I'll have to submit it to my teacher tomorrow. May I ask you something, Dad?*
- Mr. Hung: *Yes? What's that?*
- Nga: *Do you know how many people in Southeast Asia speak English?*

- Mr. Hung: *I'm not sure. But the ASEAN region has the third largest number of English speakers – just after the US and UK.*
- Nga: *Really? Exactly how many people speak English?*
- Mr. Hung: *Around 50 million, I think... mostly in the Philippines.*
- Nga: *Do you know anything about religions?*
- Mr. Hung: *The ASEAN countries include three main religions. They are Islam, Buddhism and Catholicism.*
- Nga: *What is Islam?*
- Mr. Hung: *A religion based on a belief in one god and the teaching of Muhammad. It's the religion of the Muslims.*
- Nga: *Can you tell me something more about the Muslims?*
- Mr. Hung: *It's an interesting question. The ASEAN countries have more Muslims than any other geo-political entity.*
- Nga: *But how many Muslims, Dad?*
- Mr. Hung: *Oh, let me try to remember... about a quarter of a billion, mostly in Indonesia and Malaysia.*
- Nga: *And what about the other religions?*
- Mr. Hung: *Other main religions of the various countries in the region include large numbers of Buddhists, and Catholics in the Philippines.*
- Nga: *What is the main religion in Vietnam?*
- Mr. Hung: *It's Buddhism. Many people go to pagodas.*
- Nga: *Well, and now I think I've got all the information I need for my essay. Thank you very much, Dad.*
- Mr. Hung: *That's all right. Finish your writing and go to bed. I'm afraid you'll get up late tomorrow morning.*

D. WRITING

Task 1. (Trang 180)

- GV yêu cầu HS đọc thư giới thiệu mẫu. (Thu Hà giới thiệu với Linda về địa điểm nghỉ hè nổi tiếng ở Việt Nam.)
- Theo cặp/nhóm, HS đọc và hoàn thành bức thư giới thiệu về Vịnh Hạ Long bằng cách điền vào chỗ trống các câu khuyết thiếu cho sẵn trong khung.
- GV gọi một vài cặp/nhóm HS để kiểm tra, sửa lỗi nếu cần thiết và cho đáp án.

ĐÁP ÁN

1. *I would like to recommend a well-known place in Vietnam to you.*
2. *It is about 170 km from Hanoi.*
3. *The beach is an ideal place for swimmers.*
4. *People here are very friendly and hospitable.*
5. *I'm sure you will have a wonderful time here in Ha Long Bay.*

Task 2. (Trang 180)

- GV yêu cầu HS viết thư giới thiệu cho David một địa điểm nghỉ hè quen thuộc (bất kì) ở Việt Nam.
- GV lưu ý cho HS dàn ý cho sẵn (Outline).
- Theo cặp/nhóm, HS thảo luận dàn ý. GV có thể gợi ý từ ngữ liên quan đến chủ đề nếu cần thiết.
- Dựa vào bức thư mẫu ở Task 1, HS thực hiện viết thư giới thiệu theo yêu cầu.
- GV gọi một vài cặp/nhóm HS trình bày lại bài viết trước lớp, sửa lỗi và cho gợi ý nếu cần thiết.
- Lưu ý: Đây là bài viết mở nên HS có thể viết giới thiệu bất kì địa điểm nào theo ý thích cá nhân và sự sáng tạo của riêng mình. Vì vậy, không có đáp án gợi ý cho chủ đề này; tuy nhiên, yêu cầu HS cần bám sát dàn ý và dựa vào thư giới thiệu mẫu đã cho để viết.

E. LANGUAGE FOCUS

Intonation

- Giải thích vắn tắt cách dùng ngữ điệu thăng – giáng trong câu hỏi lựa chọn (*the rising – falling tune in alternative questions*).
- Lưu ý HS lên giọng trước liên từ "OR" và xuống giọng sau liên từ đó.
- GV cho thêm vài ví dụ minh họa và cho HS nghe băng hoặc đọc mẫu.
- HS thực hành đọc. GV đi quanh lớp để giúp đỡ HS gặp khó khăn về ngữ điệu trong khi đọc.

Grammar

Exercise 1 (Trang 182)

- Theo cá nhân, HS hoàn thành câu với mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian (adv. clause of time) đã gọi ý trong bảng.
- Yêu cầu HS tham khảo ví dụ mẫu trước khi thực hiện bài tập.

ĐÁP ÁN:

1. *She'll phone you as soon as she arrives in Ho Chi Minh City.*
2. *After the war was over, we started rebuilding the country.*
3. *They met a lot of people while they were on holiday.*
4. *Before you leave, don't forget to turn off the lights.*
5. *I'll stay till you get back.*
6. *We'll come to see you whenever we are in Hanoi.*
7. *There is a danger of war as long as imperialism exists.*
8. *Tom sang a merry song as he walked away.*

Exercise 2. (Trang 183)

- Theo cá nhân hoặc cặp, yêu cầu HS sử dụng đúng thì của động từ trong mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian để hoàn thành các câu.
- Cho HS tham khảo ví dụ mẫu trước khi thực hiện bài tập.
- GV gọi một vài HS để kiểm tra, sửa lỗi và cho đáp án.

ĐÁP ÁN

1. *When he arrives, he will tell us about the match.*
2. *Before the head teacher arrives, I'll give the guests their tea.*
3. *Peter and John are going to play tennis tonight. While they are playing, we'll go to the beach.*
4. *Since they got married, they have moved the house twice.*
5. *As soon as I have finished, I'll give you a call.*
6. *After he (had) graduated from university, he joined the army.*
7. *Can you look after the children while I am out?*
8. *When I have read this novel, you can have it.*

Exercise 3. (Trang 184)

- GV nêu yêu cầu của bài tập: HS nối hai câu thành một câu, sử dụng mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian với một liên từ gợi ý cho sẵn.
- HS tham khảo ví dụ mẫu trước khi thực hiện bài tập.
- GV gọi vài HS để kiểm tra, chữa lỗi và cho đáp án.

ĐÁP ÁN

1. *Let's go out before it starts raining.*
2. *I'll give you my address when I have found somewhere to live.*
3. *After he had done his homework, he went to bed.*
4. *We'll let you know as soon as we have made our decision.*
5. *I haven't met them since I left school.*
6. *Robert suddenly began to feel ill while he was doing the examination.*
7. *Kate will come back home after she has finished the last semester.*